

Đầu nối ren L, loại xoay QSRL-G1/8-4

Số bộ phận: 186285

FESTO



Bảng dữ liệu

| Đặc tính | Giá trị |
|---|---|
| Kích thước | Tiêu chuẩn |
| Chiều rộng định mức | 1.9 mm |
| Loại đệm kín trên ngỗng vận vít | Vòng đệm |
| Vị trí lắp đặt | bất kỳ |
| Thiết kế | Hình chữ L |
| Kích cỡ gói | 1 |
| Cấu trúc xây dựng | Nguyên tắc đẩy-kéo |
| Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh | -0.095 MPa...0.6 MPa -0.95 bar...6 bar -13.775 psi...87 psi |
| Áp suất vận hành phụ thuộc vào nhiệt độ | -0.095 MPa...1.4 MPa -0.95 bar...14 bar -13.775 psi...203 psi |
| Số vòng quay tối đa | 500 rpm |
| Phân loại hàng hải | xem chứng nhận |
| Môi chất vận hành | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-] |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | Có thể hoạt động bằng dầu |
| Lớp chống ăn mòn KBK | 1 - ứng suất ăn mòn thấp |
| Tuân thủ LABS | VDMA24364-B1/B2-L |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh | 0 °C...60 °C |
| Mômen hướng tâm tối đa | 0.006 Nm |
| Mô-men xoắn thất chặt danh nghĩa | 7 Nm |
| Khả năng chịu được mômen siết danh nghĩa | ± 20 % |
| trọng lượng sản phẩm | 15 g |
| Kiểu gắn | Ổ cắm lục giác ngoài SW13 |
| Cổng nối khí nén 1 | Ren ngoài G1/8 |
| Cổng nối khí nén 2 | đối với ống mềm bên ngoài Ø 4 mm |
| Màu vòng nhà | màu xanh dương |
| Ghi chú vật liệu | Tuân thủ RoHS |
| Vật liệu vỏ | PBT |
| Vật liệu vòng nhà | POM |
| Vật liệu vòng đệm kín ống mềm | NBR |

| Đặc tính | Giá trị |
|-----------------------|---------------------------|
| Đoạn kẹp ống vật liệu | thép không gỉ hợp kim cao |